

Số: 34

Ngày 3/9/2025

Bản tin hàng tuần

VĂN BẢN PHÁP LUẬT MỚI

Bản tin Văn bản pháp luật mới số 34 có các nội dung đáng chú ý sau:

- [Luật Thuế tiêu thu đặc biệt](#) số 66/2025/QH15.
- [Nghị định số 228/2025/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán, đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.
- [Nghị định số 232/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi một số điều của [Nghị định số 24/2012/NĐ-CP](#) ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.
- Văn bản dự thảo: Nghị định quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ.
- Giải đáp pháp luật: [Thông tư số 14/2025/TT-BXD](#) quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ.

Xin trân trọng giới thiệu cùng các đơn vị.

VĂN BẢN CỦA BỘ CHÍNH TRỊ

1. 08 NHÓM NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP VỀ ĐỘT PHÁ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Ngày 22/8/2025, Bộ Chính trị đã ban hành [Nghị quyết số 71/NQ-TW](#) về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo.

Mục tiêu hướng tới là Việt Nam có hệ thống giáo dục quốc dân hiện đại, công bằng và chất lượng, đứng vào nhóm 20 quốc gia hàng đầu thế giới vào năm 2045.

Mục tiêu gần là đến năm 2030, cả nước hoàn thành phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ từ 3 - 5 tuổi và giáo dục bắt buộc hết trung học cơ sở. Ít nhất 85% người trong độ tuổi hoàn thành cấp trung học phổ thông và tương đương. Xây dựng, đào tạo nguồn nhân lực, nhất là nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu Việt Nam trở thành nước đang phát triển có công nghiệp hiện đại, thu nhập trung bình cao. Tỷ lệ người trong độ tuổi theo học các trình độ sau trung học phổ thông đạt 50%. Tỷ lệ có trình độ cao đẳng, đại học trở lên đạt 24% ...

Đến năm 2035, hoàn thành phổ cập trung học phổ thông và tương đương; chỉ số giáo dục đóng góp vào chỉ số HDI đạt trên 0,85...

Để đạt các mục tiêu, Bộ Chính trị đề ra 8 nhóm nhiệm vụ, giải pháp gồm: Nâng cao nhận thức, đổi mới tư duy và hành động, xác định quyết tâm chính trị mạnh mẽ để đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; đổi mới mạnh mẽ thể chế, tạo cơ chế, chính sách đặc thù, vượt trội cho

phát triển giáo dục và đào tạo; tăng cường giáo dục toàn diện đức, trí, thể, mỹ, hình thành hệ giá trị con người Việt Nam thời đại mới; chuyển đổi số toàn diện, phổ cập và ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số, trí tuệ nhân tạo trong giáo dục và đào tạo; tập trung xây dựng đội ngũ nhà giáo, cơ sở vật chất trường lớp đạt chuẩn, nâng cao chất lượng giáo dục mầm non và phổ thông; cải cách, hiện đại hóa giáo dục nghề nghiệp, tạo đột phá phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề cao; hiện đại hóa, nâng tầm giáo dục đại học, tạo đột phá phát triển nhân lực trình độ cao và nhân tài, dẫn dắt nghiên cứu, đổi mới sáng tạo; đẩy mạnh hợp tác và hội nhập quốc tế sâu rộng trong giáo dục và đào tạo.

Một số giải pháp đáng chú ý: Nâng phụ cấp ưu đãi nghề đối với cơ sở giáo dục mầm non và phổ thông lên tối thiểu 70% cho giáo viên, tối thiểu 30% cho nhân viên, 100% cho giáo viên ở khu vực đặc biệt khó khăn, biên giới, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Không áp dụng thuế thu nhập doanh nghiệp đối với cơ sở giáo dục công lập, cơ sở giáo dục tư thục hoạt động không vì lợi nhuận. Đánh giá việc triển khai thực hiện Chương trình giáo dục phổ thông, đảm bảo cung cấp một bộ sách giáo khoa thống nhất toàn quốc, phân đầu tới năm 2030, sách giáo khoa cung cấp miễn phí cho tất cả học sinh. Chuyển mạnh sang phương pháp giáo dục hiện đại, tích cực, tăng cường tự học, trải nghiệm sáng tạo, hướng học sinh phát huy tư duy độc lập, năng lực giải quyết vấn đề.

Tiếp tục đổi mới phương pháp kiểm tra đánh giá, bảo đảm đánh giá trung thực kết quả học tập và giảng dạy.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp để khắc phục tình trạng dạy thêm, học thêm tràn lan ...

VĂN BẢN CỦA QUỐC HỘI

2. NƯỚC GIẢI KHÁT SẼ CHỊU THUẾ TIÊU THỤ ĐẶC BIỆT TỪ NĂM 2027

Nước ngọt sẽ bị áp thuế tiêu thụ đặc biệt theo Luật Thuế tiêu thụ đặc biệt [số 66/2025/QH15](#).

Nước giải khát theo Tiêu chuẩn quốc gia (TCVN) có hàm lượng đường trên 5g/100mL lần đầu được đưa vào diện chịu thuế tiêu thụ đặc biệt với mức thuế 8% từ 01/01/2027, và 10% từ 01/10/2028.

Cũng trong nhóm đồ uống, thuế tiêu thụ đặc biệt với rượu và bia tăng theo lộ trình. Cụ thể, rượu từ 20 độ trở lên chịu thuế 65% từ 1/1/2026, tăng thêm 5% mỗi năm trong giai đoạn 2027-2030 và áp dụng mức thuế 90% từ đầu năm 2031. Rượu dưới 20 độ chịu thuế 35% từ đầu năm 2026. Mức thuế suất này tăng

thêm 5% mỗi năm trong 4 năm kế tiếp và lên 60% từ đầu năm 2031. Thuế suất với bia là 65% từ 1/1/2026 và tăng dần lên 90% vào đầu năm 2031.

Thuốc lá chịu thuế tiêu thụ đặc biệt 75%. Từ năm 2027, thuốc lá điều, xì gà, thuốc lá sợi hoặc các dạng khác sẽ chịu mức thuế tuyệt đối, thay vì thuế suất.

Luật cũng áp thuế tiêu thụ đặc biệt với điều hòa công suất trên 24.000 BTU đến 90.000 BTU ở mức 10% từ 1/1/2026.

Xăng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt 10%, riêng xăng sinh học E5 và E10 mức thuế ưu đãi lần lượt là 8% và 7%.

VĂN BẢN CỦA CHÍNH PHỦ, THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ

3. THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT TỐ CÁO CỦA CÔNG AN CẤP XÃ VÀ CÔNG AN CẤP TỈNH

[Nghị định số 224/2025/NĐ-CP](#) được Chính phủ ban hành ngày 14/8/2025, sửa đổi, bổ sung Điều 5 [Nghị định số 22/2019/NĐ-CP](#) ngày 25/02/2019 của Chính phủ quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân. Trưởng Công an xã, Trưởng Công an phường, Trưởng

Công an đặc khu (Trưởng Công an cấp xã), Trưởng đồn Công an và tương đương giải quyết tố cáo đối với cán bộ, chiến sĩ Công an thuộc quyền quản lý trực tiếp, trừ Phó Trưởng Công an cấp xã, Phó Trưởng đồn Công an và tương đương; giải quyết tố cáo đối với các Tổ thuộc quyền quản lý trực tiếp.

Giám đốc Công an cấp tỉnh giải quyết tố cáo đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng, Thủ trưởng, Phó

Thủ trưởng đơn vị tương đương cấp phòng thuộc Công an cấp tỉnh, Trưởng Công an cấp xã, Phó Trưởng Công an cấp xã, Trưởng đồn Công an, Phó Trưởng đồn Công an và tương đương; giải quyết tố cáo đối với đơn vị thuộc quyền quản lý trực tiếp.

Người có thẩm quyền giải quyết tố cáo trong Công an nhân dân giải quyết tố cáo thuộc thẩm quyền của Thủ trưởng cơ quan, đơn vị Công an cấp dưới trực tiếp khi có căn cứ cho rằng việc giải quyết tố cáo có vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có dấu hiệu không khách quan theo Luật Tố cáo.

Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 14/8/2025.

4. XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Ngày 18/8/2025, Chính phủ ban hành [Nghị định số 228/2025/NĐ-CP](#) quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập nhằm nâng cao chất lượng hoạt động kiểm toán, đảm bảo tính minh bạch và bảo vệ quyền lợi của các bên liên quan.

Nghị định gồm 4 chương, 44 điều, quy định về hành vi vi phạm hành chính, thời hiệu xử phạt, hình thức xử phạt, mức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản và thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

Đối tượng áp dụng Nghị định là các cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài có hành vi vi phạm hành

chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập.

Theo Nghị định, thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là 05 năm tính từ ngày người có thẩm quyền thi hành công vụ phát hiện hành vi vi phạm, đối với hành vi vi phạm đang được thực hiện, hoặc từ ngày chấm dứt hành vi vi phạm, đối với hành vi vi phạm đã kết thúc.

Có 02 hình thức xử phạt chính là cảnh cáo và phạt tiền. Mức phạt tiền tối đa đối với một hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực kiểm toán độc lập là 1.000.000.000 đồng đối với cá nhân và 2.000.000.000 đồng đối với tổ chức. Với cùng một hành vi vi phạm, mức phạt tiền đối với tổ chức gấp 02 lần đối với cá nhân.

Nghị định bổ sung nhiều chế tài nghiêm khắc đối với cá nhân và tổ chức vi phạm, đặc biệt là các hành vi vi phạm quy định về tính độc lập trong hoạt động kiểm toán được nêu tại Điều 22. Theo đó, mức phạt từ 10.000.000 - 20.000.000 đồng áp dụng đối với các hành vi như cung cấp thông tin sai lệch về năng lực của kiểm toán viên hoặc doanh nghiệp kiểm toán; mua hoặc nắm giữ cổ phiếu, phần vốn góp tại đơn vị được kiểm toán; hoặc nhận các lợi ích không ghi trong hợp đồng kiểm toán. Mức phạt từ 30.000.000 - 40.000.000 đồng áp dụng cho các vi phạm nghiêm trọng hơn như hành vi nghề kiểm toán trái phép, làm việc đồng thời tại nhiều doanh nghiệp kiểm toán, hoặc thực hiện kiểm toán

cho đơn vị có lợi ích công chúng vượt quá thời hạn 05 năm liên tiếp. Đặc biệt, hành vi thông đồng với đơn vị được kiểm toán để làm sai lệch tài liệu kế toán và báo cáo tài chính sẽ bị xử phạt từ 400.000.000 - 500.000.000 đồng. Nếu tái phạm hoặc vi phạm từ lần thứ hai trở đi, mức phạt tăng lên 800.000.000 - 1.000.000.000 đồng. Trường hợp vi phạm xảy ra tại đơn vị có lợi ích công chúng, mức phạt sẽ gấp đôi, lên đến 2.000.000.000 đồng.

Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm còn bị áp dụng hình thức xử phạt bổ sung như: Tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán từ 01 tháng đến 24 tháng; tước quyền sử dụng Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dịch vụ kiểm toán hoặc đình chỉ kinh doanh dịch vụ kiểm toán từ 01 tháng đến 24 tháng; tịch thu tang vật vi phạm hành chính, phương tiện được sử dụng để vi phạm hành chính và các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại Điều 5 của Nghị định.

Nghị định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

5. XÓA BỎ CƠ CHẾ NHÀ NƯỚC ĐỘC QUYỀN SẢN XUẤT VÀNG MIẾNG

Ngày 26/8/2025, Chính phủ đã ban hành [Nghị định số 232/2025/NĐ-CP](#) sửa đổi, bổ sung một số điều của [Nghị định số 24/2012/NĐ-CP](#) ngày 03/4/2012 về quản lý hoạt động kinh doanh vàng.

Đáng chú ý, Nghị định bãi bỏ [khoản 3 Điều 4](#) của Nghị định 24/2012/NĐ-CP, xóa bỏ cơ chế Nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng, xuất khẩu vàng nguyên liệu và nhập khẩu vàng nguyên liệu để sản xuất vàng miếng. Thay vào đó, hoạt động sản xuất vàng miếng là hoạt động kinh doanh có điều kiện và phải được Ngân hàng Nhà nước cấp Giấy phép. Ngân hàng Nhà nước cấp hạn mức hàng năm và Giấy phép từng lần xuất khẩu, nhập khẩu vàng miếng, nhập khẩu vàng nguyên liệu cho doanh nghiệp, ngân hàng thương mại được cấp giấy phép sản xuất vàng miếng.

Trách nhiệm của doanh nghiệp hoạt động sản xuất vàng trang sức, mỹ nghệ được bổ sung. Theo đó, khi bán vàng nguyên liệu mua từ doanh nghiệp, ngân hàng thương mại, họ phải lập và sử dụng hóa đơn điện tử; lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu giao dịch bán vàng nguyên liệu; thực hiện kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước. Việc thanh toán mua, bán vàng có giá trị từ 20 triệu đồng trong ngày trở lên của một khách hàng phải được thực hiện thông qua tài khoản thanh toán của khách hàng và tài khoản thanh toán của doanh nghiệp kinh doanh vàng mở tại ngân hàng thương mại, chi nhánh ngân hàng nước ngoài.

Nghị định cũng bổ sung quy định về điều kiện cấp Giấy phép sản xuất vàng miếng. Trong đó, điều kiện về

vốn điều lệ là 1.000 tỷ đồng trở lên đối với doanh nghiệp và 50.000 tỷ đồng trở lên đối với ngân hàng thương mại.

Doanh nghiệp, ngân hàng thương mại sản xuất vàng miếng phải công bố tiêu chuẩn áp dụng, khối lượng, hàm lượng của sản phẩm và chịu trách nhiệm về tiêu chuẩn khối lượng, hàm lượng sản phẩm đã sản xuất đúng với tiêu chuẩn đã công bố; chịu hoàn toàn trách nhiệm về sản phẩm vàng miếng do mình sản xuất, bảo hành sản phẩm cho khách hàng; lưu trữ đầy đủ, chính xác dữ liệu vàng miếng được sản xuất; xây dựng hệ thống thông tin xử lý, lưu trữ dữ liệu vàng miếng được sản xuất với những nội dung cơ bản gồm thông tin nguyên liệu đầu vào, thời gian sản xuất, sản phẩm đầu ra; thực hiện kết nối cung cấp thông tin cho Ngân hàng Nhà nước.

Doanh nghiệp, tổ chức tín dụng hoạt động kinh doanh mua, bán vàng miếng phải niêm yết công khai giá mua, giá bán vàng miếng tại địa điểm giao dịch hoặc trên trang thông tin điện tử và kết nối cung cấp thông tin về mức giá niêm yết cho Ngân hàng Nhà nước; không được phép thực hiện kinh doanh vàng miếng thông qua các đại lý ủy nhiệm.

Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 10/10/2025.

6. KẾ HOẠCH TRIỂN KHAI THI HÀNH LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG 11 LUẬT VỀ QUÂN SỰ, QUỐC PHÒNG

Để triển khai thi hành kịp thời, thống nhất, hiệu quả Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 11 luật về quân sự, quốc phòng [số 98/2025/QH15](#), Thủ tướng Chính phủ ban hành [Quyết định số 1791/QĐ-TTg](#) ngày 21/8/2025 ban hành Kế hoạch triển khai thi hành Luật này.

Theo nhiệm vụ được phân công, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các cơ quan báo chí, phát thanh, truyền hình tổ chức tuyên truyền, phổ biến, giáo dục, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ về nội dung của Luật và các văn bản quy định chi tiết thi hành Luật.

Bộ Quốc phòng cũng có trách nhiệm rà soát các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc thẩm quyền quản lý nhà nước của mình. Các bộ, ngành, địa phương rà soát văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến Luật thuộc phạm vi, lĩnh vực, địa bàn quản lý nhà nước được phân công và gửi kết quả về Bộ Quốc phòng để tổng hợp báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký ban hành.

VĂN BẢN CỦA BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG

7. HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN BẢO HIỂM XÃ HỘI BẮT BUỘC CHO

QUÂN NHÂN VÀ NGƯỜI LÀM CÔNG TÁC CƠ YẾU

[Thông tư 90/2025/TT-BQP](#) của Bộ Quốc phòng được ban hành ngày 19/08/2025, có hiệu lực từ ngày 02/10/2025, hướng dẫn thực hiện quản lý thu, đóng bảo hiểm xã hội (BHXH) và các chế độ BHXH bắt buộc đối với quân nhân và người làm công tác cơ yếu hưởng lương như đối với quân nhân.

Thông tư này áp dụng đối với sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan, binh sĩ quân đội nhân dân, học viên quân đội, người làm công tác cơ yếu hưởng lương như quân nhân và các cơ quan, đơn vị, tổ chức liên quan đến việc thực hiện chính

sách BHXH đối với các đối tượng này.

Mức đóng, phương thức, thời hạn đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc của người lao động, người sử dụng lao động trong Bộ Quốc phòng được hướng dẫn chi tiết tại Điều 3 của Thông tư.

Thông tư cũng hướng dẫn về tạm dừng đóng bảo hiểm xã hội và các chế độ ốm đau, thai sản, hưu trí, tử tuất.

Các chế độ, chính sách BHXH hướng dẫn tại Thông tư này được thực hiện từ ngày 01/7/2025.

VĂN BẢN TRÊN BÀN SOẠN THẢO

1. ĐỀ XUẤT ĐIỀU KIỆN TÀI SẢN BẢO ĐẢM CỦA KHOẢN NỢ XẤU ĐƯỢC THU GIỮ

Nghân hàng Nhà nước Việt Nam đang lấy ý kiến đối với dự thảo Nghị định quy định điều kiện tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ.

Tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu được thu giữ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 198a của Luật số 32/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi [Luật số 96/2025/QH15](#) và tài sản bảo đảm không phải là nhà ở duy nhất của bên bảo đảm; không phải là công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất của bên bảo đảm. Đối với các tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu không phải là tài sản nêu trên được thu giữ khi đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 198a của Luật số 32/2024/QH15.

Theo dự thảo Nghị định, nhà ở duy nhất là công trình xây dựng duy nhất thuộc quyền sở hữu của bên bảo đảm nơi bên bảo đảm ở và sinh sống ổn định, lâu dài hoặc thường xuyên sinh sống. Công cụ lao động chủ yếu hoặc duy nhất là phương tiện lao động mang lại thu nhập chủ yếu hoặc duy nhất cho bên bảo đảm. Thu nhập chủ yếu hoặc duy nhất của bên bảo đảm được xác định tương ứng với mức lương tối thiểu theo vùng nơi bên bảo đảm sinh sống và làm việc theo quy định của Chính phủ về mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

2. DỰ THẢO SỬA ĐỔI MỘT SỐ ĐIỀU HƯỚNG DẪN XỬ LÝ HÀNG HÓA TỒN ĐỘNG THUỘC ĐỊA BÀN HOẠT ĐỘNG HẢI QUAN

Bộ Tài chính đã xây dựng và lấy ý kiến về dự thảo Thông tư sửa đổi, bổ

sung một số điều của [Thông tư số 203/2014/TT-BTC](#) ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý hàng hóa tồn đọng thuộc địa bàn hoạt động hải quan.

Hàng hóa mà chủ hàng hóa thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ là hàng hóa thuộc đối tượng giám sát hải quan thuộc địa bàn hoạt động hải quan (cảng biển, cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài, cảng nội địa ICD, địa điểm thu gom hàng lẻ, kho ngoại quan, cảng hàng không, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính và các địa bàn hoạt động hải quan khác) mà chủ hàng không đến nhận, không hồi đáp khi được doanh nghiệp quản lý hàng tồn đọng thông báo.

Đối với hàng hóa trong kho ngoại quan, chậm nhất là 15 ngày, trước ngày hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan hết hạn, chủ kho ngoại quan phải thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa biết về hợp đồng thuê kho hoặc hợp đồng gia hạn thuê kho sắp hết hạn để chủ hàng làm thủ tục đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan. Sau 90 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng thuê kho ngoại quan hoặc hàng hóa hết hạn hợp đồng gia hạn thuê kho ngoại quan mà chủ hàng hóa không đưa hàng hóa ra khỏi kho ngoại quan thì hàng hóa đó được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

Đối với hàng hóa tại doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày phát hiện hàng hóa nhập khẩu gửi qua doanh nghiệp cung

ứng dịch vụ bưu chính nhưng chưa hoàn thành thủ tục hải quan, hàng hóa gửi qua doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính đã hoàn thành thủ tục xuất khẩu nhưng không phát được cho người nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo bằng văn bản cho chủ hàng hóa đến nhận. Sau 15 ngày kể từ ngày thông báo lần 1 mà chưa có người đến nhận, doanh nghiệp cung ứng dịch vụ bưu chính thông báo lần 2 bằng văn bản cho chủ hàng hóa. Thông báo được gửi bằng thư bảo đảm qua dịch vụ chuyển phát có ký nhận hồi báo. Thời hạn để chủ hàng hóa đến nhận là 90 ngày kể từ ngày thông báo lần đầu. Hết thời hạn đến nhận hàng hóa mà chủ hàng hóa không đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

Đối với hàng hóa, hành lý tại cảng hàng không, trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày người nhận hàng từ chối nhận hàng hoặc không có người nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc kể từ ngày hành lý được vận chuyển đến địa điểm đến (đối với hành lý), người vận chuyển phải thông báo bằng văn bản cho người gửi hàng đến nhận hàng (đối với hàng hóa) hoặc niêm yết tại sân bay (đối với hành lý). Thời hạn thông báo là 60 ngày (đối với hàng hóa), 30 ngày (đối với hành lý) kể từ ngày bắt đầu thông báo, niêm yết. Hết thời hạn thông báo mà không có người đến nhận hoặc không hồi đáp thì hàng hóa, hành lý được xác định là hàng hóa mà chủ hàng thực hiện hành vi chứng tỏ việc từ bỏ.

Thời hạn đến nhận hàng đối với hàng hóa tại các khu vực khác thuộc địa bàn hoạt động hải quan mà

không thuộc quy định trên là 90 ngày kể từ ngày thông báo.

GIẢI ĐÁP PHÁP LUẬT

1. Hỏi: Hình thức đào tạo đối với người có nhu cầu được đào tạo để cấp giấy phép lái xe mô tô các hạng A1, A và B1?

Trả lời: Ngày 30/6/2025, Bộ Xây dựng ban hành [Thông tư số 14/2025/TT-BXD](#) quy định về đào tạo lái xe; bồi dưỡng, kiểm tra, cấp chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 01/9/2025.

Người có nhu cầu được đào tạo để cấp giấy phép lái xe mô tô các hạng A1, A và B1 sẽ được đào tạo theo hình thức quy định tại khoản 1 Điều 4 của Thông tư này, cụ thể:

- Đối với nội dung học lý thuyết phải học đủ chương trình đào tạo theo quy định tại Thông tư này và được lựa chọn một trong các hình thức học sau: tự học các môn lý thuyết theo quy định của Chính phủ về hoạt động đào tạo lái xe hoặc học tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe;

- Đối với nội dung học thực hành lái xe: theo hình thức tập trung tại cơ sở đào tạo lái xe.

2. Hỏi: Thời gian đào tạo lái xe mô tô hạng A1 là bao nhiêu giờ?

Trả lời: Theo [khoản 1 Điều 5](#) của Thông tư số 14/2025/TT-BXD, tổng thời gian đào tạo lái xe mô tô hạng A1 đối với 1 học viên tối thiểu là 12

giờ, gồm 10 giờ đào tạo lý thuyết và 2 giờ đào tạo thực hành.

3. Hỏi: Thời gian đào tạo thực hành đối với lái xe ô tô hạng B - xe chuyển số tự động, bao gồm cả xe ô tô điện là bao nhiêu giờ?

Trả lời: Thời gian tối thiểu học thực hành đối với 1 lái xe ô tô hạng B (học xe chuyển số tự động, bao gồm cả xe ô tô điện) được quy định tại [khoản 1 Điều 6](#), Thông tư số 14/2025/TT-BXD là 67 giờ, gồm 41 giờ học thực hành lái xe trên sân tập lái; 24 giờ học thực hành lái xe trên đường giao thông; và 2 giờ học thực hành trên cabin học lái xe ô tô.

Tổng quãng đường đào tạo thực hành của học viên này là 1.000 km, trong đó có 290 km học thực hành lái xe trên sân tập lái và 710 km thực hành lái xe trên đường giao thông.

4. Hỏi: Yêu cầu đối với người học lái xe?

Trả lời: Theo [Điều 13](#) của Thông tư số 14/2025/TT-BXD người học lái xe là công dân Việt Nam, người nước ngoài được phép cư trú hoặc đang làm việc, học tập tại Việt Nam.

Người học lái xe để nâng hạng giấy phép lái xe phải đáp ứng theo quy định tại [khoản 4 Điều 60](#) Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; trong đó, thời gian lái xe an toàn từ 2 năm trở lên cho hạng B lên C1, B lên C, B lên D1, B lên BE, C1 lên

C, C1 lên D1, C1 lên D2, C1 lên C1E, C lên D1, C lên D2, D1 lên D2, D1 lên D, D1 lên D1E, D2 lên D, D2 lên D2E, D lên DE; thời gian lái xe an toàn từ 03 năm trở lên cho hạng B lên D2, C lên CE, C lên D.

Người đã có giấy phép lái xe hạng B chuyển số tự động được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng B chuyển số cơ khí (số sàn), người đã có giấy phép lái xe hạng B được đăng ký học để cấp mới giấy phép lái xe hạng C1 theo quy định tại Điều 6 Thông tư này./.